TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
"*V/v: Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Nguyễn Văn Sơn.***
Các Hội thẩm nhân dân: ***Ông Nguyễn Viết Thắng***
Ông Lê Văn Châu

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ***Bà Đinh Ngọc Tú – C****án bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng*

Đại diện VKSND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thùy Linh –*** *Kiểm sát viên.*

Ngày 03/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 582/2018/TLST-HNGĐ ngày 27.08.2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 17/09/2018. Giữa:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: ***Chị Trần Thị N*** – sinh năm 1973
(Có mặt tại phiên tòa).

*** <u>Bị đơn</u>:** ***Anh Đỗ Văn T*** – sinh năm 1970
(Có mặt tại phiên tòa).

Cùng HKTT: X Bách Khoa phường Bách Khoa Quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: Y phố Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I/ ***Theo đơn khởi kiện và lời khai của Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:***

Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/12/1997 tại UBNN Phường Bách Khoa - Q. Hai Bà Trưng- Hà Nội. Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại số Y Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm không phù hợp, anh T hay cờ bạc, hiện thường đánh đập, chửi bới vợ con. Anh chị đã tìm cách khắc phục xong không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là

- Đỗ Đức M, sinh ngày 02.09.1998
- Đỗ Minh Đ, sinh ngày 24.05.2005

Sức khỏe các cháu bình thường. Cháu M đã trưởng thành. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu Đ. Việc đóng góp nuôi con chung chị đề nghị để anh chị tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản, nhà ở chung: Anh chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Anh chị tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết.

II/ Tòa án đã tiến hành tống đạt T báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là anh Đỗ Văn T theo đúng quy định của pháp luật xong anh T không đến và không cho biết lý do.

III/ Tiến hành xác minh tại nơi cứ trú của chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T xác nhận:

Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T hiện có HKTT tại phòng 15 nhà 23 Bách Khoa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hiện đang sinh sống tại nhà số Y Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội cùng hai con là Đỗ Đức M, sinh năm 1998 và Đỗ Minh Đ sinh năm 2005. Quá trình sinh sống, anh chị có xích mích va chạm và ra công an phường trình báo, công an phường đã tiến hành hòa giải.

Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T trước đây có mâu thuẫn cách đây khoảng 03 năm. Nguyên nhân do anh T ham chơi cờ bạc, chị N có yêu cầu xin ly hôn. Tổ dân phố có tổ chức hòa giải cho anh chị nhưng anh T không đến. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Tổ dân phố không nắm rõ.

**** IV.Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên lời khai tại đơn xin ly hôn và lời khai tại tòa,*** chị xác nhận: Chị và anh Đỗ Văn T có đăng kết hôn ngày 25/12/1997 tại UBNN Phường Bách Khoa - Q. Hai Bà Trưng- Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại X Bách Khoa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Sau đó, bán nhà này và đến ở thuê tại nhà số Y Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội cho tới nay. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2010 lúc đầu thì ít, sau tăng dần. Nguyên nhân do tính cách quan điểm không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T ham chơi

cờ bạc nên vợ chồng thường to tiếng, anh T thường đánh dập vợ con và chửi bới. Chị đã ra công an phường trình báo. Mặt khác tổ dân phố, Hội liên hiệp phụ nữ phường cùng Mặt trận Tổ quốc phường vào hòa giải cho vợ chồng thì anh T không về dự. Chị đã nhiều lần trao đổi với anh để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung.

- Đỗ Đức M, sinh ngày 02.09.1998
- Đỗ Minh Đ, sinh ngày 24.05.2005

Sức khỏe các cháu bình thường. Cháu M đã trưởng thành. Khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu Đ. Việc đóng góp nuôi con chung anh chị đề nghị tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản, nhà ở chung: Anh chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Anh chị tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Do nhận thức là chị Trần Thị N đơn phương xin ly hôn và thời gian qua anh bận công việc nên mặc dù nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Anh xác nhận lời khai của chị N tại phiên tòa về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và quá trình sinh sống của anh chị là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần là anh anh có to tiếng với chị nên có phát sinh mâu thuẫn nhưng không phải từ năm 2010. Tổ dân phố có tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh xong hôm ấy anh bận nên không dự. Thực chất mâu thuẫn gần đây do anh làm ăn bị thua lỗ. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị N trình bày. Khi ly hôn, chị N muốn nuôi con nào thì tùy chị.

* Về tài sản, nhà ở chung: Anh chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Anh chị tự giải quyết.

3. Tòa án công bố các tài liệu điều tra xác minh tại nơi cư trú của anh chị, anh chị không có ý kiến gì.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu nhận xét.

*** <u>Về tố tụng</u>**: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như: Tống đạt T báo thụ lý vụ án, tiến hành điều tra xác minh thu thập chứng cứ và hòa giải, xét xử. Giao các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, đối với bị đơn

chưa chấp hành tốt, không đến Tòa làm việc theo giấy báo của Tòa án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Vụ án đủ điều kiện xét xử.

***Về nội dung**

Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T có đăng kết hôn ngày 25/12/1997 tại UBNN Phường Bách Khoa - Q. Hai Bà Trưng- Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại số Y Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội và phát sinh mâu thuẫn do tính cách , quan điểm không phù hợp, thường xảy ra to tiếng. Anh chị đã tìm cách khắc phục xong không có kết quả. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn. Anh T không đồng ý nhưng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T vì mục đích hôn nhân không đạt mâu thuẫn đã kéo dài, không có khả năng đoàn tụ.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

- Đỗ Đức M, sinh ngày 02.09.1998
- Đỗ Minh Đ, sinh ngày 24.05.2005

Cháu M đã trưởng thành nên không xét. Chị N có nguyện vọng ly hôn và xin nuôi cháu Đ. Anh T không có ý kiến gì. Mặt khác, cháu Đức có nguyện vọng ở với chị N nên đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc. Việc đóng góp nuôi con chung, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về tài sản, nhà ở chung: Anh chị không có nên không xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ và lời phát biểu của Kiểm sát viên.

Hội đồng xét xử:

XÉT THẤY

1.Về tố tụng:

Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T hiện ở Y Lê Thanh Nghị – phường Bách Khoa – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn của Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng.

Anh Đỗ Văn T đã được Tòa án tống đạt T báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

2. Về nội dung: Chị Trần Thị N và anh Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn ngày 25.12.1997 tại UBND phường Bách Khoa – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T ham chơi cờ bạc nên thường to tiếng, đánh chửi vợ con, công an phường đã phải khuyên ngăn, tổ dân phố cùng các đoàn thể đã tổ chức hòa giải nhưng anh T không tham dự. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và cương quyết xin ly hôn. Anh T cũng xác định anh chị có mâu thuẫn chủ yếu từ năm 2016 do anh làm ăn thua lỗ nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải xong anh T không đến. Tại phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn anh chị là trầm trọng và kéo dài nhưng anh T không muốn hòa giải do đó nay chị N xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

- Đỗ Đức M, sinh ngày 02.09.1998
- Đỗ Minh Đ, sinh ngày 24.05.2005

Sức khỏe các cháu bình thường. Hiện cháu M đã trưởng thành nên Tòa án không xét. Khi ly hôn chị N xin nuôi cháu Đ. Anh T không có ý kiến gì. Cháu Đ có nguyện vọng ở với chị N nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Đức cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc đóng góp nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận nên Tòa án không xét.

* Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

* Về công nợ: Anh chị tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

* Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐINH

- Căn cứ các điều 54, 56 ,57 ,81 ,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.
- Căn cứ các điều 28, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 207; điều 220; điều 271, điều 274, điều 278, điều 280, bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 1 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục I.1-1.II Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14) ngày 3012.2016.

Xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Đỗ Văn T. Cho chị N được ly hôn anh T.

*__Về con chung:__ Chị N và anh T có 02 con chung là:

- Đỗ Đức M, sinh ngày 02.09.1998
- Đỗ Minh Đ, sinh ngày 24.05.2005

Sức khỏe các cháu bình thường. Cháu M đã trưởng thành nên Tòa án không xét. Giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho tới khi cháu Đ trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc đóng góp nuôi con cháu Đ, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung.

* Về tài sản, nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về công nợ: Anh chị đề nghị tự giải quyết nên Tòa án không xét.

* Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 004206 ngày 23.8.2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N, anh T. Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

NƠI NHẬN :
- Các đương sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn